



# Đánh giá cơ hội tiếp cận đất ở, đất sản xuất đối với đồng bào dân tộc thiểu số theo các quy định của pháp luật hiện hành

CÙ THỊ PHƯƠNG THẢO, LÊ THÀNH LONG

*Trung tâm Phát triển và Ứng dụng khoa học công nghệ về đất đai, Viện Chiến lược, Chính sách nông nghiệp và môi trường*

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Thời gian qua Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách có liên quan đến vấn đề đất đai cho đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS); các Bộ/ngành và địa phương có liên quan đã ban hành nhiều văn bản hướng dẫn nhằm giải quyết vấn đề đất ở, đất sản xuất, giúp đồng bào DTTS có nhà ở, đất canh tác, có việc làm ổn định, góp phần xóa đói, giảm nghèo, đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng cho đồng bào.

Vùng đồng bào DTTS và miền núi có vị trí chiến lược quan trọng về chính trị, quốc phòng, an ninh, có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú và đa dạng, có tiềm năng to lớn để phát triển kinh tế. Nhưng đây cũng là địa bàn có địa hình tự nhiên phức tạp, độ dốc cao, chia cắt, quỹ đất chủ yếu là đất lâm nghiệp, diện tích đất nông nghiệp và đất sản xuất bị thu hẹp do nhiều nguyên nhân, sự phát triển xã hội theo hướng công nghiệp hóa, đô thị hóa, nông nghiệp hàng hóa, kéo theo sự bùng nổ của các dự án khai khoáng, năng lượng, phát triển giao thông, đô thị, tập trung đất đai trồng cây nguyên liệu, cây nông nghiệp hàng hóa... Việc giải quyết tranh chấp đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn chậm; giải quyết đất ở, đất sản xuất cho đồng bào DTTS ở nhiều nơi hiệu quả chưa cao, chưa đạt mục tiêu và yêu cầu đề ra.

## 2. THỰC TRẠNG THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH GIẢI QUYẾT NHU CẦU ĐẤT Ở, ĐẤT SẢN XUẤT VÀ CÁC CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐỐI VỚI ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ

Giai đoạn trước năm 2003, chủ trương của Đảng về vấn đề dân tộc, xác định rõ phát triển vùng DTTS và miền núi phải gắn với những vấn đề đổi mới cơ cấu kinh tế và tổ chức sản xuất theo hướng chuyển sang sản xuất hàng hóa phù hợp với đặc điểm kinh tế của từng vùng, tiểu vùng, dân tộc; gắn phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) với giải quyết vấn đề dân tộc và quốc phòng - an ninh.

Tại Nghị quyết số 22/NQ-TW, ngày 27/11/1989 của Bộ Chính trị "Về một số chủ trương, chính sách lớn phát triển KT-XH miền núi" là cơ sở quan trọng trong việc xây dựng chính sách, đầu tư và phát triển đối với vùng miền núi nói chung và DTTS nói riêng. Mặc dù năm 1993, Luật Đất đai được ban hành và các lần sửa đổi, bổ sung năm 1998, năm 2001 (cụ thể hóa Điều 17, Điều 18 - Hiến pháp năm 1992) đều chưa có những quy định riêng về đất đai cho đồng bào DTTS nhưng các chính sách cho

đồng bào DTTS luôn luôn được chú trọng. Nhà nước tập trung vào hỗ trợ sinh kế và tạo cơ hội xóa đói, giảm nghèo, như: Chương trình 143 (Chương trình xóa đói, giảm nghèo và tạo việc làm giai đoạn 2001 - 2005, được phê duyệt theo Quyết định số 143/2001/QĐ-TTg, ngày 27/9/2001, của Thủ tướng Chính phủ); Chương trình 135 (Chương trình phát triển KT-XH tại các xã đặc biệt khó khăn miền núi và vùng sâu, vùng xa, được phê duyệt theo Quyết định số 135/1998/QĐ-TTg, ngày 31/7/1998, của Thủ tướng Chính phủ); Chương trình 134 (một số chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào DTTS nghèo, đời sống khó khăn. Quyết định số 132/2002/QĐ-TTg ngày 08/10/2002 về việc giải quyết đất sản xuất, đất ở cho đồng bào DTTS tại chỗ ở Tây Nguyên thuộc đối tượng chưa có hoặc chưa đủ đất sản xuất và chưa có đất ở...

Giai đoạn từ năm 2003 đến năm 2013 là dấu mốc quan trọng trong tiến trình hoàn thiện chính sách đất đai, đặc biệt là những chính sách hướng đến đồng bào DTTS sinh sống ở các vùng miền núi, vùng KT-XH đặc biệt khó khăn. Trong thời kỳ này, cùng với sự đổi mới mạnh mẽ về KT-XH, Đảng và Nhà nước đã chú trọng xây dựng và củng cố các chính sách nhằm giải quyết căn bản các khó khăn về đất ở, đất sản xuất cho đồng bào DTTS, góp phần ổn định cuộc sống, nâng cao thu nhập và phát triển bền vững cộng đồng các dân tộc.

Luật Đất đai năm 2003 và một số văn bản dưới luật đã quy định về chính sách giải quyết đất ở, đất sản xuất cho đồng bào DTTS, đồng thời, trong giai đoạn này Thủ tướng Chính phủ đã ban hành một số các chính sách về hỗ trợ đất ở, đất sản xuất cho đồng bào DTTS như: Quyết định số 134/2004/QĐ-TTg ngày 20/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào DTTS nghèo, đời sống khó khăn; Quyết định số 33/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ di dân thực hiện định canh, định cư cho đồng bào DTTS giai đoạn 2007 -2010 và Quyết định 1342/QĐ-TTg; Quyết định số 74/2008/QĐ-TTg ngày 09/6/2008 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ giải quyết đất ở, đất sản xuất và giải quyết việc làm cho hộ đồng bào DTTS nghèo, đời sống khó khăn vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2008 - 2010; Quyết định số 1592/2009/QĐ-TTg ngày 12/10/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp



tục thực hiện một số chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt đến năm 2010 cho hộ đồng bào DTTS nghèo, đời sống khó khăn; Quyết định số 755/2013/QĐ-TTg ngày 20/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho hộ đồng bào DTTS nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn; Nghị quyết số 88/2019/QH14 phê duyệt Đề án tổng thể phát triển KT-XH hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, trong đó mục tiêu về quy hoạch, sắp xếp ổn định dân cư vùng đồng bào dân tộc đến năm 2025...

Từ năm 2021 đến năm 2023, Chương trình mục tiêu quốc gia DTTS đã đầu tư 4.092 công trình cơ sở hạ tầng cho vùng DTTS; Hỗ trợ đất ở cho 489 hộ, đất sản xuất cho 641 hộ, chuyển đổi nghề cho 14.119 hộ, nước sinh hoạt cho 102.989 hộ; đầu tư xây dựng 492 công trình nước sinh hoạt tập trung; hỗ trợ triển khai 445 mô hình phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, 402 mô hình phát triển sản xuất theo cộng đồng, 249 mô hình khởi nghiệp; hỗ trợ đào tạo nghề cho 64.195 người; xây dựng 8 mô hình bảo tồn, phát huy bản sắc văn hoá tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch.

Cùng với sự hỗ trợ về đất sản xuất và đất ở, Chính phủ còn hỗ trợ tài chính giúp đồng bào dân tộc có nhà ở và nước sinh hoạt, với số vốn hàng ngàn tỉ đồng. Đến tháng 9 năm 2007, Thủ tướng có Công văn số 1326/TTg-CP về điều chỉnh mức hỗ trợ nhà ở và nước sinh hoạt, vì thế tăng thêm 544,363 tỉ đồng, nâng tổng vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ lên 4.473,9 tỉ đồng.

Có thể thấy, mặc dù trong giai đoạn này Luật Đất đai vẫn chưa có những quy định chuyên biệt dành riêng cho đồng bào DTTS, nhưng Nhà nước đã linh hoạt ban hành các quyết định hành chính, tạo ra những cơ chế chính sách phù hợp nhằm tháo gỡ khó khăn trong việc tiếp cận đất đai của đồng bào DTTS. Đây là những bước đi cần thiết, góp phần từng bước cải thiện điều kiện sản xuất, ổn định đời sống và thúc đẩy phát triển KT-XH cho đồng bào DTTS trong bối cảnh nhiều thách thức về địa hình, tập quán sản xuất và nguồn lực đất đai còn rất hạn chế.

Giai đoạn 2024 đến nay, công tác dân tộc và chính sách dân tộc đã đạt được những kết quả quan trọng, góp phần làm thay đổi bộ mặt của vùng đồng bào DTTS và miền núi, góp phần củng cố và nâng cao lòng tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước. Cụ thể, về chính sách pháp luật: Nghị quyết số 18-NQ/TW đặt ra mục tiêu đến năm 2025 giải quyết cơ bản những tồn tại, vướng mắc có liên quan đến đất ở, đất sản xuất cho đồng bào DTTS. Luật Đất đai năm 2024 (Điều 16) quy định trách nhiệm của Nhà nước về đất đai đối với đồng bào DTTS. Theo đó, Luật quy định, Nhà nước có chính sách bảo đảm đất sinh hoạt cộng đồng cho đồng bào DTTS phù hợp với phong tục tập quán, tín ngưỡng, bản sắc văn hóa và điều kiện thực tế của từng vùng.

Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 của Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt. Theo báo cáo số 169/BC-BDĐT ngày 30/3/2025 của Ban Dân tộc và Tôn giáo, kết quả đạt được đến hết năm 2024, tình trạng giải quyết đất ở đạt 20,2% (chưa đạt); giải quyết nhà ở đạt 179,9% (đạt mục tiêu), hỗ trợ trực tiếp đất sản xuất 6,4% (chưa đạt).

Thực hiện Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 theo Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ, Bộ Tài chính ưu tiên huy động các nguồn lực để thực hiện các mục tiêu Chiến lược công tác dân tộc đề ra; phối hợp với các địa phương thực hiện tốt các chính sách dân tộc, hỗ trợ phát triển sản xuất, góp phần phát huy ý chí tự lực, tự cường, nỗ lực thoát nghèo nhanh và bền vững trên địa bàn vùng đồng bào DTTS và miền núi, hướng tới mục tiêu phát triển toàn diện, nâng cao chất lượng sống cho đồng bào DTTS một cách bền vững.

Tăng cường triển khai các dự án, chương trình khác như: Dự án bố trí dân cư thiên tai cấp bách, ổn định dân cư tự do đến hết năm 2023 theo Nghị quyết số 22/NQ-CP của Chính phủ về ổn định dân cư tự do và quản lý, sử dụng đất có nguồn gốc từ nông, lâm trường; chương trình phòng chống ma túy; công tác giao đất gắn với giao rừng hiện đã hoàn thành tham mưu trình Chính phủ ban hành Nghị định số 04/2024/NĐ-CP ngày 12/01/2024 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 của Chính phủ về sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp.

Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS, thông qua thực hiện các chương trình, dự án, chính sách dân tộc... ngoài các chương trình mục tiêu quốc gia đang triển khai, còn có nhiều chính sách đầu tư hỗ trợ riêng cho vùng đồng bào DTTS. Hệ thống các chính sách dân tộc nói chung, chính sách thực hiện tại vùng DTTS nói riêng đã được xây dựng trên cơ sở lấy lợi ích và quyền lợi cơ bản của nhân dân làm nền tảng, đã bao phủ mọi mặt đời sống KT-XH, an ninh, quốc phòng. Qua đó, tác động trực tiếp và hiệu quả tới đồng bào DTTS, tập trung hỗ trợ sinh kế, tạo cơ hội xóa đói, giảm nghèo, nâng cao đời sống vùng đồng bào DTTS, góp phần gìn giữ, củng cố và tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc, tạo nên sự đồng thuận xã hội vì sự phát triển của đất nước.

### 3. MỘT SỐ HẠN CHẾ VỀ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH ĐẤT Ở, ĐẤT SẢN XUẤT VÀ CHÍNH SÁCH CÓ LIÊN QUAN ĐỐI VỚI ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ HIỆN NAY

- Việc xây dựng và ban hành chính sách chưa trọng tâm, trọng điểm, chưa khắc phục triệt để được tình trạng



chống chéo, trùng lặp về nội dung, đối tượng của chính sách; chưa có nhiều chính sách thí điểm đột phá mang tính động lực nhằm tạo chuyển biến rõ nét đối với vùng DTTS.

- Tiến độ triển khai thực hiện và giải ngân vốn của Chương trình MTQG DTTS&MN tại các Bộ/ngành và địa phương nhìn chung còn chậm.

- Quy hoạch sử dụng đất, quản lý đất đai vẫn bất cập: vùng DTTS - miền núi, người dân sinh sống bằng nghề nương rẫy, canh tác theo truyền thống, nhiều nơi không có hồ sơ pháp lý rõ ràng về đất sử dụng. Khi Nhà nước lập quy hoạch, thường không phản ánh đúng hiện trạng sử dụng đất/rừng của cộng đồng DTTS. Việc sang nhượng, chuyển nhượng đất hỗ trợ cho DTTS vẫn diễn ra trái phép. Nhiều địa phương không có quỹ đất, chưa có giải pháp phù hợp để tạo quỹ đất cho việc giải quyết nhu cầu đất ở, đất sản xuất cho đồng bào DTTS còn thiếu đất.

- Việc cấp nguồn vốn để thực hiện triển khai còn chậm. Theo báo cáo Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Vốn thực hiện Chương trình năm 2025 Trung ương phân bổ chậm và tại thời điểm triển khai thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp dẫn đến khó khăn.

- Thiếu đồng bộ giữa chính sách đất đai với các chính sách phát triển sinh kế: Có đất sản xuất, đất ở nhưng nếu không có hỗ trợ về kỹ thuật sản xuất, chuyển đổi nghề, thị trường tiêu thụ, thì hộ DTTS vẫn rất khó thoát nghèo. Ví dụ: nghiên cứu ở vùng Bình Phước cho thấy, hộ DTTS cần diện tích lớn hơn nhiều và kỹ thuật thâm canh kém hơn so với hộ người Kinh nên chỉ giao đất thôi chưa đủ. Ngoài ra, khi đồng bào bị di chuyển do thủy điện, thủy lợi hoặc thay đổi vùng sản xuất, chính sách chưa giải quyết triệt để việc ổn định đời sống, sản xuất.

- Văn bản pháp lý và hành lang chính sách cần hoàn thiện: Mặc dù đã có nhiều chính sách, nhưng vẫn có ý kiến cho rằng, dự thảo sửa đổi Luật Đất đai (2024) chưa có điều khoản cụ thể tạo quỹ đất riêng cho DTTS, khiến nguy cơ lâu dài là tiếp tục chậm. Việc phân định vùng DTTS, miền núi, vùng đặc biệt khó khăn cũng được điều chỉnh gần đây nhưng vẫn dẫn tới khó khăn khi xác định rõ ranh giới, đối tượng.

- Tập quán, văn hóa, năng lực quản lý địa phương Tại nhiều vùng DTTS, tập quán sản xuất, canh tác truyền thống khác biệt; người dân thiếu tiếp cận thông tin, kỹ thuật hiện đại. Việc hỗ trợ đất nếu không gắn với tập quán thực tế rất dễ bị bỏ hoang hoặc bán đi. Năng lực quản lý đất đai ở cấp xã, thôn còn yếu, dẫn tới tình trạng “giấy tay”, không rõ ràng, dễ phát sinh tranh chấp, khó kiểm soát.

#### **4. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM TĂNG CƯỜNG VIỆC TIẾP CẬN ĐẤT Ở, ĐẤT SẢN XUẤT ĐỐI VỚI ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ**

- Rà soát, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất: Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất theo hướng ưu tiên quỹ

đất phù hợp cho đồng bào DTTS, đảm bảo đủ diện tích đất ở và đất sản xuất theo định mức, đảm bảo giữ gìn, bảo tồn, tôn vinh và phát huy bản sắc văn hóa, tập quán, tín ngưỡng truyền thống tốt đẹp của đồng bào DTTS để đồng bào hiểu và giữ đất, giữ rừng, gắn với phát triển bền vững.

- Đẩy mạnh chính sách đất đai theo hướng ưu tiên và bình đẳng: Chính sách đất đai với đồng bào DTTS cần đảm bảo nguyên tắc: ưu tiên nhưng không ỷ lại, hỗ trợ có điều kiện và có giám sát. Việc giao đất, hỗ trợ đất cần minh bạch, công bằng, tránh tình trạng trục lợi chính sách. Cần xây dựng tiêu chí rõ ràng về đối tượng thụ hưởng (ví dụ: thiếu đất ở, không có đất sản xuất, thuộc diện hộ nghèo...), đồng thời có cơ chế thu hồi đất đã cấp nếu hộ dân không sử dụng đúng mục đích hoặc bỏ hoang kéo dài. Bên cạnh đó, kiến nghị các cấp cùng phối hợp để tổ chức thực hiện đồng bộ, và triển khai các chính sách về đất đai đối với đồng bào DTTS.

- Xây dựng hướng dẫn chi tiết để cập nhật, đồng bộ hóa hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu về đất đai và rừng, phản ánh chính xác hiện trạng sử dụng: Hiện tại, đất sản xuất của đồng bào DTTS thường gắn liền với đất rừng, nhưng sự không thống nhất trong quy hoạch đất đai giữa ngành tài nguyên và môi trường và ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn đang gây ra nhiều bất cập. Quy chuẩn và phương pháp quy hoạch của hai ngành này khác nhau, dẫn đến sự sai lệch đáng kể trong số liệu thống kê giữa hồ sơ đất đai và hiện trạng rừng, đặc biệt tại các khu vực đồng bào DTTS. Sự chồng lấn giữa đất lâm nghiệp do các công ty và Ban quản lý rừng quản lý với đất người dân canh tác không được thể hiện đầy đủ trong hồ sơ, gây khó khăn trong việc giao đất, giao rừng đồng bộ cho đồng bào. Vì vậy, cần hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai và rừng mà trong đó cơ sở dữ liệu đất đai và rừng đầy đủ, chính xác, cập nhật liên tục, đảm bảo thống nhất số liệu giữa ngành tài nguyên và môi trường với ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn để tránh tình trạng chồng lấn và sai lệch.

- Cụ thể hóa quy định và tăng cường sự tham gia cộng đồng trong quản lý đất đai và rừng tại vùng đồng bào DTTS: Luật năm 2024, thông qua Điều 181, đã đưa ra các quy định về thu hồi đất từ các công ty nông, lâm nghiệp giao lại cho địa phương để ưu tiên phân bổ cho đồng bào DTTS. Quy định này kế thừa và bổ sung nội dung từ Nghị định 118/2014/NĐ-CP, nâng cao hiệu quả thực thi. Tuy nhiên, luật vẫn chưa cụ thể hóa vai trò tham gia của cộng đồng địa phương và các bên liên quan trong quá trình rà soát đất đai, cũng như chưa đề xuất rõ các tiêu chí hay nguyên tắc lựa chọn diện tích đất được giao về cho xã.

Để đảm bảo hiệu quả của chính sách, cần có các quy định chi tiết trong các nghị định, thông tư hướng dẫn, yêu cầu sự tham gia trực tiếp của người dân và chính quyền địa phương trong tiến trình rà soát và bàn giao



đất rừng. Điều này cần kết hợp việc xác định các tiêu chí cụ thể liên quan đến lịch sử, văn hóa, hiện trạng sử dụng/chông lấn và vị trí đất để làm căn cứ xác định diện tích phù hợp giao về cho xã. Chính sự tham gia của cộng đồng sẽ giúp tăng tính minh bạch, thực chất và khả năng đồng thuận trong quản lý đất đai và rừng, góp phần tháo gỡ các vướng mắc kéo dài và thực hiện hiệu quả chính sách hỗ trợ đất đai cho đồng bào DTTS.

- Lồng ghép các chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi và các chương trình, dự án hỗ trợ khác như vốn tín dụng ưu đãi, huy động của doanh nghiệp, dân cư và các nguồn lực tài chính hợp pháp khác... để tạo nguồn vốn trong việc thực hiện khai hoang, phục hóa, đưa đất trống đồi núi trọc vào sử dụng phù hợp với phong tục tập quán của đồng bào.

- Nghiên cứu về định mức hỗ trợ tài chính phù hợp với thực tế, đồng thời phát triển các chương trình tín dụng ưu đãi và hỗ trợ kỹ thuật sản xuất đối với đồng bào DTTS. Đẩy mạnh mô hình nông - lâm kết hợp, sinh kế xanh thích ứng biến đổi khí hậu; liên kết doanh nghiệp - hộ DTTS.

- Tăng cường truyền thông pháp luật, đặc biệt bằng tiếng bản địa, tăng cường sự tham gia của cộng đồng và nâng cao nhận thức pháp luật về đất đai, tổ chức lớp bồi dưỡng pháp lý cơ bản cho thanh niên dân tộc tại địa phương để làm lực lượng tuyên truyền viên. Hỗ trợ người dân biết quyền và nghĩa vụ với đất ở, tránh mua bán, thế chấp trái pháp luật.

- Xây dựng mô hình định cư bền vững, thích ứng biến đổi khí hậu, phù hợp với điều kiện thực tế của khu vực: Lồng ghép với Chương trình hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo vùng DTTS, theo Nghị quyết số 1719/QĐ-TTg; Hỗ trợ xây dựng nhà trên đất ở đã được giao: Ưu tiên nhà kiên cố, phù hợp điều kiện khí hậu khắc nghiệt; Vận dụng các mô hình nhà truyền thống kết hợp hiện đại (như nhà sàn cải tiến cho dân tộc H'rê, Cơ Tu...). Xây dựng các cụm dân cư an toàn chống ngập, chống sạt lở ven sông, ven biển; Kết hợp quy hoạch đất ở với hạ tầng nước sạch, điện, giao thông thủy - bộ cho vùng sông nước; Định hướng phát triển mô hình du lịch cộng đồng Khmer/Chăm gắn với đất ở và bản sắc văn hóa truyền thống...

- Xây dựng nguồn nhân lực là đồng bào DTTS tại chỗ có năng lực, trình độ và kỹ năng nghề nghiệp làm hạt nhân để tổ chức, triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách về đất đai cho đồng bào DTTS nhằm thúc đẩy phát triển KT-XH, giảm nghèo bền vững, bảo đảm quốc phòng an ninh quốc gia và vùng đồng bào DTTS. Việc tăng cường đầu tư nguồn nhân lực cho vùng DTTS vừa giải quyết được các vấn đề cấp bách về tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất cho đồng bào DTTS và những vấn đề lâu dài.

#### **Kết luận**

Việc nâng cao hiệu quả tiếp cận đất đai cho đồng bào DTTS là trách nhiệm pháp lý, là điều kiện tiên

quyết để bảo đảm an sinh, gìn giữ bản sắc và phát triển bền vững. Đề nghị các cấp, ngành sớm cụ thể hóa các giải pháp và triển khai thực hiện đồng bộ, phù hợp đặc thù từng vùng miền.

Việc bảo đảm quyền tiếp cận đất ở, đất sản xuất cho đồng bào DTTS có ý nghĩa quan trọng trong công tác giảm nghèo, ổn định đời sống, phát triển KT-XH và giữ gìn an ninh, trật tự tại các vùng đồng bào DTTS và miền núi. Trong thời gian qua, các chính sách của Đảng và Nhà nước đã giúp nhiều hộ đồng bào DTTS được tiếp cận đất ở, đất sản xuất để ổn định cuộc sống và phát triển sinh kế.

Tuy nhiên, thực tiễn vẫn tồn tại những khó khăn trong việc tiếp cận đất đai như thiếu quỹ đất, vướng mắc thủ tục pháp lý, năng lực khai thác sử dụng đất còn hạn chế. Để khắc phục những hạn chế này, cần triển khai đồng bộ các giải pháp cụ thể như rà soát nhu cầu, tạo quỹ đất, hỗ trợ thủ tục pháp lý, hỗ trợ sản xuất, xây dựng kết cấu hạ tầng và tăng cường công tác tuyên truyền, giám sát.

Việc thực hiện tốt các giải pháp sẽ góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng đất, tạo sinh kế bền vững, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho đồng bào DTTS, đồng thời góp phần phát triển KT-XH, bảo đảm công bằng xã hội tại các vùng đồng bào DTTS và miền núi ■

#### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Luật Đất đai năm 1993, 2003, 2013, 2024.
2. Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 12/3/2003, Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá IX) về công tác dân tộc;
3. Quyết định số 134/2004/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: QĐ về một số chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn;
4. Nghị quyết số 43-NQ/TW ngày 24/11/2023, Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng đất nước ta ngày càng phồn vinh, hạnh phúc;
5. Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;
6. Báo cáo tổng hợp kết quả khoa học công nghệ để tài nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn nhằm đề xuất chính sách về đất ở, đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số, năm 2016 của ThS. Đinh Ngọc Hà;
7. Báo cáo số 139/BC-UBDT ngày 24/01/2025 của Ủy ban Dân tộc về Kết quả thực hiện công tác dân tộc năm 2024 và nhiệm vụ trọng tâm năm 2025.
8. Báo cáo số 169/BC-BDTT ngày 30/3/2025 của Bộ Dân tộc và Tôn giáo về Tình hình thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.